

ĐH Kỹ thuật công nghệ TP.HCM:

Ngành	Mã ngành	Khối	Điểm chuẩn NV1 và điểm xét tuyển NV2
Hệ Đại học			
Điện tử viễn thông	101	A	13
Công nghệ thông tin (Hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính, Kỹ thuật máy tính và hệ thống nhúng)	102	A	13
		D1	13
Kỹ thuật điện (Điện công nghiệp)	103	A	13
Xây dựng dân dụng và công nghiệp	104	A	13
Xây dựng cầu đường	105	A	13
Cơ - tin kỹ thuật (Cơ điện tử)	106	A	13
Kỹ thuật môi trường	108	A	13
		B	14
Cơ khí tự động - robot	109	A	13
Công nghệ thực phẩm	110	A	13
		B	14
Công nghệ sinh học	111	A	13
		B	14
Công nghệ tự động (Tự động hóa)	112	A	13
Thiết kế nội thất (không nhân hệ số)	301	V, H	13
Thiết kế thời trang (không nhân hệ số)	302	V, H	13
Quản trị kinh doanh (Quản trị tài chính, Quản trị ngoại thương, Quản trị doanh nghiệp,	401	A	13
		D1	13

Quản trị dự án)			
Kế toán (Kế toán - Kiểm toán)	403	A	13
		D1	13
Quản trị du lịch - nhà hàng - khách sạn	405	A	13
		C	14
		D1	13
Tiếng Anh gồm Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh du lịch, Tiếng Anh tổng quát - dịch thuật (không nhân hệ số)	701	D1	13
Hệ Cao đẳng			
Tin học (Công nghệ thông tin)	C65	A	10
		D1	10
Điện tử viễn thông	C66	A	10
Quản trị kinh doanh	C67	A	10
		D1	10
Công nghệ kỹ thuật xây dựng (Xây dựng dân dụng và công nghiệp)	C68	A	10
Công nghệ thực phẩm	C69	A	10
		B	11
Kế toán (Kế toán - kiểm toán)	C70	A	10
		D1	10
Quản trị du lịch - Nhà hàng - Khách sạn	C71	A	10
		C	11
		D1	10
Kỹ thuật môi trường	C72	A	10
		B	11
Công nghệ sinh học	C73	A	10
		B	11

Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật TP.HCM:

Điểm chuẩn NV1:

Stt	Ngành	Mã ngành	Khối Thi	Điểm chuẩn	Ghi chú
-----	-------	----------	----------	------------	---------

1	Văn hóa Du lịch	01	C, D1	C: 11.00 D1: 10.00	<i>Xét tuyển kết quả thi ĐH của thí sinh có NV1 tại Trường CĐ. VHNT TP.HCM</i>
2	Thư viện – Thông tin	02	C, D1		
3	Kinh doanh xuất bản phẩm	03	C, D1		
4	Thanh nhạc	04	N	11.00	
5	Diễn viên	05	S	16.50	
6	Đồ họa vi tính	06	H	16.50	
7	Thiết kế thời trang	07	H	16.00	
8	Đạo diễn	09	S	14.00	

Điểm xét tuyển NV2, NV3:

Stt	Ngành	Mã ngành	Khối thi	Mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Văn hóa Du lịch	01	C, D1	C: 11.00 D1: 10.00	65
2	Thư viện – Thông tin	02	C, D1		30
3	Kinh doanh xuất bản phẩm	03	C, D1		30
4	Đạo diễn	09	S	14.00	12